

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-PT
Ngày 26 - 7 - 2021
“V/v Tranh chấp về đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm V Ph

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu H
Bà Thái Thị H V

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn H - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Ch - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đất đai*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Ông Nguyễn Đình H , sinh năm 1966 và bà Lê Thị H , sinh năm 1966 (vợ ông H). Địa chỉ: Xóm V, xã v, huyện T, tỉnh Nghệ An. Ông H vắng mặt, bà H có mặt;

- *Các Bị đơn:*

1. Ông Mai V Q , sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Ng , sinh năm 1963 (vợ ông Q n).

Người đại diện cho ông Mai V Q : Bà Ngô Thị S , sinh năm 1953. Đều có địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Bà Ng vắng mặt, ông Q n, bà S có mặt;

2. Ông Phạm V V , sinh năm 1975 và bà Trần Thị M , sinh năm 1986 (vợ ông V). Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Ông; Nguyễn Đình Đ , sinh năm 1970 và bà Phạm Thị H , sinh năm 1972 (vợ ông Đ). Địa chỉ: V, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của bị đơn là vợ cH ông Mai V Q và vợ cH ông Phạm V V : Luật sư Dương V, sinh năm 1991 – Công ty Luật hợp danh V – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phòng 12A, Chung cư v, số 5 v, phường v, quận v, thành phố Hà Nội. Có mặt;

- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh; Nguyễn Đình Ng , sinh năm 1987. Vắng mặt
2. Anh; Nguyễn Đình L , sinh năm 1989. Vắng mặt;
3. Anh; Nguyễn Thành L , sinh năm 1993. Vắng mặt;
4. Anh; Nguyễn Đình L , sinh năm 1996. Vắng mặt;

Địa chỉ: Đều cư trú xóm V, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy Q của ông Nguyễn Đình H , anh Ng , anh L , anh L và anh L (Là các con của ông H , bà H): Bà Lê Thị H , sinh năm 1966. Địa chỉ: Xóm N, xã T huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Ông Mai V Q , bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm V V bà Trần Thị M , các bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, H giải trong quá trình giải quyết tranh chấp và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị H và là người đại diện theo ủy Q cho ông Nguyễn Đình H; Người đại diện theo ủy Q cho người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Đình L, anh Nguyễn Thành L, anh Nguyễn Đình L trình bày: Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H là vợ cH có 04 người con gồm Nguyễn Đình N, sinh năm 1987; Nguyễn Đình L, sinh năm 1989; Nguyễn Thành L, sinh năm 1993; Nguyễn Đình L, sinh năm 1996. Năm 2012 thực hiện việc chuyển đổi ruộng đất lần 2 của Nhà nước từ đất sản xuất nông nghiệp cấp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Gia đình ông H, bà H đã được Tiểu Ban chuyển đổi ruộng đất lần 2 của xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, chia và giao cho gia đình bà H một khu đất (Năm 2016 đo vẽ xác định là 03 thửa đất sát nhau số thửa; 776, 777, 795, tờ bản đồ số 10), tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Sau khi được Tiểu Ban chuyển đổi ruộng đất giao khu đất có 03 thửa đất, gia đình bà H đã tiến hành thuê máy mức ủi, cải tạo san bằng để sử dụng đất, vì phần đất này so với mặt bằng đường liên xã rất thấp, thấp khoảng 5 – 7m. Khi cải tạo đất xong gia đình bà H sử dụng, thì bị ông Mai V T là anh trai của ông Mai V Q đến chiếm dụng một phần diện tích đất và ông Mai V T đã bị UBND xã T lập Biên bản vi phạm

hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 09/4/2013. Sau khi ông Mai V T không còn lần chiếm, trả lại đất được một thời gian thì vợ c H ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N tự ý đến chiếm dụng một phần diện tích đất (Xác định thửa đất số 776) của vợ cH bà H đã được Nhà nước giao theo chủ trương chuyển đổi ruộng đất lần 2 của nhà nước và trồng một số cây keo.

Đồng thời vợ cH ông Phạm V V và bà Trần Thị M cũng tự ý đến chiếm dụng một phần diện tích khu đất (Xác định thửa đất số 795) của vợ cH bà H đã được Nhà nước giao theo chuyển đổi ruộng đất lần 2 và chôn cọc rào thép gai.

Cùng thời điểm vợ cH ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H cũng tự ý đến chiếm dụng một phần diện tích khu đất (Xác định thửa đất số 777) của vợ cH bà H đã được Nhà nước giao theo chuyển đổi ruộng đất lần 2 và canh tác.

Sau khi bị các ông Q, bà N, ông V, bà M và ông Đ, bà H chiếm đất, vợ cH ông H, bà H đã làm đơn khiếu nại; UBND xã T đã nhiều lần báo gọi các bên lên giải quyết nhiều lần, nhưng các bên vẫn không chịu trả lại đất.

Năm 2018 khi H giải và giải quyết tại UBND xã T, vợ cH ông Mai V Q cho rằng, thửa đất số 776 là đất của vợ cH ông Mai V Q đã được cấp trong Bìa đỏ theo Nghị định 64. Nhưng UBND xã đã giải thích là thửa đất trong Bìa đỏ của ông Mai V Q không liên quan gì đến thửa đất nông nghiệp số 776, tờ bản đồ số 10 cả, nhưng vợ cH ông Mai V Q không chấp nhận.

Vợ cH ông Phạm V V cho rằng, thửa đất gia đình ông V mua của ai đó không có giấy tờ, chứ không PH chiếm dụng đất của ai cả, nên không trả cho vợ cH bà H.

Đối với vợ cH ông Đ, trong quá trình Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án, vợ cH ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H, đã thu hoạch các cây cối trồng trái phép trên thửa đất số 777, tờ bản đồ số 10 của ông Đ, bà H và không sử dụng nữa, đồng thời trả lại cho ông bà thửa đất này. Vì vậy ông H, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với vợ cH ông Đ, bà H, liên quan đến thửa đất số 777, tờ bản đồ số 10, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay trên thửa đất số 776, thì vợ cH ông Mai V Q đã trồng Keo Tràm đến nay khoảng gần 03 năm tuổi trên đất của ông bà.

Còn ông Phan V V thì đóng cọc bê tông và dùng dây thép gai rào lại thửa đất này, còn trên đất không trồng gì cả.

Nay vợ cH ông bà và các con khẳng định, các thửa đất này là thuộc Q sử dụng của vợ cH bà, nên ông bà khởi kiện yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu vợ cH ông Mai V Q thu hoạch và di dời đi nơi khác T bộ các cây Keo Tràm nằm trên thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10 xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, trả lại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10 đã chiếm dụng, vợ cH bà H sẽ trả tiền

trị giá các cây Keo Tràm cho vợ chồng ông Q, vì Keo tràm cũng đã lớn và đất là đất trồng cây hàng năm, nên trồng Keo Tràm cũng được.

2. Yêu cầu vợ chồng ông Phan V V, tháo dỡ và di chuyển T bộ các cọc bê tông và dây thép gai nằm trên thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10 xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương đi nơi khác, để trả lại thửa đất số 795 đã chiếm dụng của ông bà.

Ngoài các nội dung và ý kiến yêu cầu trên, ông bà không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N; người đại diện theo ủy Q và người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho ông Q trình bày: Thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện T là do vợ chồng ông Mai V Q phở hoang từ năm 1972, đến năm 1995 bà Ngô Thị Sơn, sinh năm 1953, trú tại thôn T, xã T là chị dâu đầu lấy ông Nguyễn V T (con cùng mẹ khác cha với ông Q) đi làm giúp thủ tục để được cấp Bìa đỏ mang tên bà Lê Thị T là mẹ của ông Mai V Q (đã chết năm 2016), có số thửa 608, tờ bản đồ số 1, diện tích 180m² đất rừng có thời hạn sử dụng là 50 năm, theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất cấp ngày 29/12/1995. Vợ chồng ông Mai V Q sử dụng ổn định từ năm 1972 cho đến năm 2012 mới có tranh chấp với vợ chồng bà H, theo chủ trương dồn điền đổi thửa của Nhà nước. UBND T cho rằng, mảnh đất không phải nằm trong Bìa đỏ của vợ chồng ông Mai V Q là không đúng, thửa đất đã được cấp vào Bìa đỏ cũng không phải là đất ruộng 64. UBND xã không thu hồi lại, mà lại lấy để giao cho bà Lê Thị H là không đúng.

Vùng đất này giáp sát Khe Chẹt là 03 cái bộng (hố), bộng vợ chồng ông Q sử dụng là to nhất. Sau khi được xã giao năm 2012 bà Lê Thị H đã thuê máy múc về múc và cải tạo san bằng thửa đất, vợ chồng ông Q cũng biết, nhưng không nói gì, vì ông Q cho rằng, bà Lê Thị H múc ủi, gặt giúp cho gia đình ông. Hiện nay trên thửa đất vợ chồng ông Q đã trồng một số cây Keo Tràm khoảng 03 năm tuổi, các tài sản trên đất do công sức của 02 vợ chồng ông Q, không liên quan đến ai cả.

Việc tranh chấp đất đai hai bên đã được UBND xã T H giải nhiều lần, nhưng vợ chồng ông Mai V Q không nhất trí trả lại cho vợ chồng bà Lê Thị H. Nay vợ chồng bà Lê Thị H khởi kiện cho rằng, thửa đất đã được UBND xã T giao đất năm 2012 theo chủ trương dồn điền đổi thửa và yêu cầu vợ chồng ông Q, bà N trả lại cho vợ chồng bà Lê Thị H. Vợ chồng ông Q không nhất trí, vì thửa đất do vợ chồng ông Q làm khai hoang từ năm 1972 và đã được cấp trong Bìa đỏ ngày 29/12/1995 cho mẹ ông Q là bà Lê Thị T, có số thửa 608, tờ bản đồ số 1, nay thuộc Q sử dụng của vợ chồng ông Mai V Q, mà không thuộc Q sử dụng của bất kỳ ai cả.

Ngoài các nội dung và ý kiến trên, vợ chồng ông Q, bà N không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Vợ cH ông Phạm V V, bà Trần Thị M; người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho ông V, bà M thống nhất trình bày: Thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện T đã được UBND xã T cấp cho ông Phạm V Q, sinh năm 1939 (Bố ông V) là người có công vào năm 1992 và đã được cấp Bìa đỏ năm 1995 mang tên ông Phạm V Q. Ông Q sử dụng thửa đất từ trước đến năm 2012 mới có tranh chấp với vợ cH bà Lê Thị H. Thửa đất là đất vườn của bố mẹ ông V, chứ không pH của vợ cH ông V, vợ cH ông V đang ở chung với bố mẹ nên cùng sử dụng mảnh đất này. Hiện trên đất không có gì cả, ông Phạm V V có trồng một số cọc bê tông và vây dây thép gai xung quanh (dây đã cũ và rỉ không còn giá trị) từ năm 2009.

Năm 2012 lần đổi ruộng đất, bà Lê Thị H nằm trong ban lần đổi, nên mới nhận thửa đất. Nếu UBND xã thu hồi mảnh đất để chia cho bà Lê Thị H, thì pH pH có V bản thu hồi, rồi mới giao cho người khác và khi được giao thì vợ cH ông V sẽ là người được ưu tiên giao trước, vì gia đình ông V là thuộc hộ gia đình chính sách. Nếu chính Q lấy mảnh đất này làm các công trình công cộng như xây dựng nhà V hóa, hay sân chơi, hay làm đường thì vợ cH ông V đồng ý.

Nay vợ cH bà Lê Thị H khởi kiện cho rằng, thửa đất đã được UBND xã Thanh Mỹ giao đất năm 2012 theo chủ trương dồn điền đổi thửa lần 2 và yêu cầu vợ cH ông V, bà M trả lại cho vợ cH bà Lê Thị H. Vợ cH ông V, bà M không nhất trí, vì thửa đất này là của bố mẹ ông Phạm V V đã được cấp bìa đỏ đứng tên Phạm V Q và bà Phạm Thị Cúc, ông bà không nhớ số thửa, tờ bản đồ bao nhiêu, ông bà chỉ biết là phần đất tranh chấp này nằm trong Bìa đỏ của bố là Phạm V Q.

Ngoài các nội dung và ý kiến đã trình bày, ông V, bà M không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Đối với vợ cH ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H sử dụng thửa đất số 777, tờ bản đồ số 10, tại xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tuy nhiên quá trình giải quyết tranh chấp vợ cH ông Đ tự thu hoạch cây trồng trên đất, không sử dụng đất nữa, nên vợ bà H không tiếp tục yêu cầu vợ cH ông Đ trả lại thửa đất.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26; Điều 147; 157; 165; 227; 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 255, 256, Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H.

2. Buộc vợ chồng ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N, có trách nhiệm trả lại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, có diện tích 464m², trị giá: 16.704.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H. Cụ thể: Phía Tây giáp đường nhựa liên xã; phía Đông giáp thửa số 777, thửa số 795 tờ bản đồ số 10; phía Nam giáp thửa số 70 (CLN 70, tờ bản đồ số 40); phía Bắc giáp Khe Chẹt (suối có ký hiệu SON 796).

(Chi tiết thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 1 có trong sơ đồ kèm theo).

3. Buộc vợ chồng ông Phạm V V và bà Trần Thị M, có trách nhiệm trả lại thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, có diện tích 183,4m² trị giá: 6.602.400 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H. Cụ thể: Phía Tây giáp thửa số 776; phía Đông giáp thửa số 807; phía Nam giáp thửa số 70 (CLN 70, tờ bản đồ số 40); phía Bắc giáp thửa số 777.

(Chi tiết thửa đất được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 9 và 6 có trong sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, được Q sở hữu 75 cây Keo Tràm khoảng 03 năm tuổi của vợ chồng ông Mai V Q trồng nằm trên thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, trị giá: 2.590.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng*).

Vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, có trách nhiệm trả lại 2.590.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng*) cho vợ chồng ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N, trị giá của 75 cây Keo Tràm khoảng 03 năm tuổi mà vợ chồng ông Mai V Q đã trồng nằm trên thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10 xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, được Q sở hữu 11 Cọc bê tông của vợ chồng ông Phạm V V và chị Trần Thị M trồng nằm trên thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, trị giá 1.595.000 đồng (*Một triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, có trách nhiệm trả lại 1.595.000 đồng (*Một triệu, năm trăm, chín mươi lăm ngàn đồng*) cho vợ chồng ông Phạm V V và chị Trần Thị M, trị giá của 11 Cọc bê tông mà vợ chồng ông Phạm V V và chị Trần Thị M đã trồng nằm trên thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

6. Đình chỉ không xem xét giải quyết tranh chấp liên quan đến thửa đất số 777, tờ bản đồ số 10, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, Q yêu cầu thi hành án và Q kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2021, vợ chồng ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm hàng loạt trong việc áp dụng pháp luật và không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Đồng thời không xem xét T diện các chứng cứ, bác bỏ sự thật của vụ án, sai lầm trong tính toán... dẫn đến áp dụng sai các quy định của pháp luật, áp đặt, chủ quan, duy ý chí...làm thiệt hại nghiêm trọng đến Q và lợi ích chính đáng, hợp pháp của gia đình ông, bà. Đề nghị cấp phúc thẩm bác T bộ yêu cầu của vợ chồng ông H, bà H.

Ngày 15/3/2021 bị đơn ông Phạm V V và bà Trần Thị M kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm hàng loạt trong việc áp dụng pháp luật và không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Đồng thời không xem xét T diện các chứng cứ, bác bỏ sự thật của vụ án, sai lầm trong tính toán... dẫn đến áp dụng sai các quy định của pháp luật, áp đặt, chủ quan, duy ý chí...làm thiệt hại nghiêm trọng đến Q và lợi ích chính đáng, hợp pháp của gia đình ông, bà. Đề nghị cấp phúc thẩm bác T bộ yêu cầu của vợ chồng ông H, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tiếp tục giữ N nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết tranh chấp, vợ chồng ông H, bà H cung cấp Giấy giao nhận đất ngày 30/12/2012 của Tiểu ban chuyển đổi ruộng đất lân 2 thôn 5, xã Thanh Mỹ, ngoài ra không có tài liệu gì khác. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H, buộc vợ chồng ông Q, bà N và vợ chồng ông V trả 02 thửa đất cho vợ chồng bà H là chưa đủ căn cứ, điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy Q của các đương sự, người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông Q, ông V, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N và kháng cáo của vợ chồng ông Phạm V V, bà Trần Thị M, thấy rằng:

Thực hiện Chủ trương của ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về đẩy mạnh vận động nông dân “dồn điền đổi thửa” và khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp. UBND T đã Ban hành Đề án 1804/ĐA-UBND ngày 30/10/2009 để triển khai việc dồn điền đổi thửa đến tận các xã thực hiện đề án. Sau khi có đề án 1804/ĐA-UBND, Ủy ban nhân dân T ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 06/4/2011, “Kế hoạch Chuyển đổi ruộng đất lần thứ 2 để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trên địa bàn xã T” đã thống nhất triển khai thực hiện trên phạm vi T xã. Quá trình thực hiện việc lần đổi ruộng đất lần thứ 2 theo Chủ trương của Nhà nước và căn cứ diện tích đất sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình được giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ năm 1993, diện tích đất UBND xã đang quản lý. Tiểu Ban chuyển đổi ruộng đất thôn 5, xã Thanh Mỹ tiến hành rà soát xác định, vùng đất giáp Khe Chẹt (năm 2016 xác định vùng đất có 3 thửa đất 776, 777, 795) là đất bãi bồi thuộc tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299 là vùng đất thuộc Q quản lý của UBND xã Thanh Mỹ chưa giao cho ai thuê hoặc đầu thầu sử dụng.

Ngày 30/3/2012 gia đình ông Nguyễn Đình H, bà Lê Thị H được Tiểu ban chuyển đổi ruộng đất xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương giao cho vùng đất có 03 thửa đất (Năm 2016 xác định các thửa đất số 776, 777, 795, tờ bản đồ số 10 tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An) theo đó thửa đất số 776, diện tích 464m² do vợ chồng ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N sử dụng trồng một số cây keo; thửa đất số 795, diện tích 183,4m² do vợ chồng ông Phạm V V, bà Trần Thị M sử dụng (chỉ rào một số cọc bê tông dây thép gai); thửa đất số 777, diện tích 244,1m² do vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H sử dụng sản xuất đã thu hoạch, hiện UBND xã T giao cho thôn quản lý cho thuê khoán.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cấp cơ sở và tại Tòa án cấp sơ thẩm vợ chồng ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N cho rằng, thửa đất số 776, diện tích 464m² có nguồn gốc do gia đình ông Q khai hoang năm 1972 và sử dụng đến năm 1995 thì cơ quan nhà nước cấp Bìa đỏ thửa đất cho bà Lê Thị T mẹ ông Q. Còn vợ chồng ông Phạm V V, bà Trần Thị M thì cho rằng, thửa đất thửa đất 795 có nguồn gốc được cơ quan có thẩm quyền giao đất cho ông Phạm V Q bố ông V sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất (Bìa đỏ) năm 1995. Nhưng cả vợ chồng ông Q, bà N và vợ chồng ông V, bà M không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và vợ chồng ông Q, ông V cũng

chưa được cơ quan có thẩm quyền Q giao đất sử dụng đối với thửa đất 776, 795, tờ bản đồ số 10, tại xã T, huyện T.

Xét nguồn gốc các thửa đất số 776, 777, 795: Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cơ sở, tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm vợ chồng ông H, bà H và UBND xã T, huyện T đều xác định; khu đất có 03 thửa đất 776, 777, 795 có nguồn gốc trước năm 2012 vùng đất là đất bãi bồi thuộc tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) là đất không và thuộc Q quản lý của UBND xã T chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào sử dụng. Và vợ chồng ông Q và vợ chồng ông V cũng xác định, đồng ý UBND xã thu hồi vùng đất để phục vụ mục đích công cộng, chứ không chấp nhận xã giao đất cho vợ chồng bà H.

Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 08/12/2020 (BL, 96 và tại Công V số: 250/UBND-ĐC ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân T đều xác định: Việc Tiểu ban chuyển đổi ruộng đất thôn 5, xã T đã giao diện tích đất thuộc 03 thửa đất 776, 777, 795, tờ bản đồ số 10) cho gia đình ông H, bà H sử dụng là đúng theo yêu cầu nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 06/4/2011 của UBND xã T. Kế hoạch số 55 được xây dựng theo đúng yêu cầu, N tác, tinh thần của Chỉ thị của Ban Thường vụ tỉnh ủy về đẩy mạnh vận động nông dân “dồn điền đổi thửa” và khuyến khích tích tụ ruộng đất để đẩy mạnh sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp theo Đề án 1804/ĐA-UBND của UBND T. Tại Công V số 1412/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 Ủy ban nhân dân T cũng xác định, Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 06/4/2011 của UBND xã T đúng chủ trương, được nhân dân đồng tình ủng hộ và đến nay UBND huyện chưa nhận được ý kiến phản ánh nào liên quan đến việc chuyển đổi ruộng đất lần 02 trên địa bàn xã T. Bởi vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Lê Thị H; buộc vợ chồng ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N; vợ chồng ông Phạm V V, bà Trần Thị M trả lại đất cho gia đình ông H, bà H 02 thửa đất 776, 795, thuộc tờ bản đồ số 10, tại xã Thanh Mỹ là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N và ông Phạm V V, bà Trần Thị M, giữ N quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, vùng đất do Tiểu ban chuyển đổi ruộng đất lần hai xã Thanh Mỹ giao cho vợ chồng bà H, chưa được kê khai đăng ký Q sử dụng đất. Để đảm bảo nhà nước thống nhất quản lý, do đó cần bổ sung Q và nghĩa vụ người sử dụng đất pH thực hiện theo quy định về pháp luật đất đai, khi được giao Q sử dụng đất.

4. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không được chấp nhận pH chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai V Q, bà Nguyễn Thị N và ông Phạm V V, bà Trần Thị M. Giữ N bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H.

2. Buộc vợ chồng ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N, có trách nhiệm trả lại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, có diện tích 464 m², trị giá: 16.704.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H. Cụ thể: Phía Tây giáp đường nhựa liên xã; phía Đông giáp thửa số 777, thửa số 795 tờ bản đồ số 10; phía Nam giáp thửa số 70 (CLN 70, tờ bản đồ số 40); phía Bắc giáp Khe Chẹt (suối có ký hiệu SON 796).

(Chi tiết thửa đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 1 có trong sơ đồ kèm theo).

3. Buộc vợ chồng ông Phạm V V và bà Trần Thị M, có trách nhiệm trả lại thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10, xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, có diện tích 183,4 m² trị giá: 6.602.400 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H. Cụ thể: Phía Tây giáp thửa số 776; phía Đông giáp thửa số 807; phía Nam giáp thửa số 70 (CLN 70, tờ bản đồ số 40); phía Bắc giáp thửa số 777.

(Chi tiết thửa đất được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 9 và 6 có trong sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, được Q sở hữu 75 cây Keo Tràm khoảng 03 năm tuổi của vợ chồng ông Mai V Q trồng nằm trên thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, trị giá: 2.590.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng*).

Vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, có trách nhiệm trả lại 2.590.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng*) cho vợ chồng ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N, trị giá của 75 cây Keo Tràm khoảng 03 năm tuổi mà vợ chồng ông Mai V Q đã trồng nằm trên thửa đất số 776, tờ bản đồ số 10 xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H được Q sở hữu 11 Cọc bê tông của vợ chồng ông Phạm V V và chị Trần Thị M trồng nằm trên thửa đất số 795,

tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, trị giá: 1.595.000 đồng (*Một triệu, năm trăm, chín mươi lăm ngàn đồng*).

Vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, có trách nhiệm trả lại: 1.595.000 đồng (*Một triệu, năm trăm, chín mươi lăm ngàn đồng*), cho vợ cH ông Phạm V V và chị Trần Thị M, trị giá của 11 Cọc bê tông mà vợ cH ông Phạm V V và chị Trần Thị M đã trồng nằm trên thửa đất số 795, tờ bản đồ số 10 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

6. Đình chỉ không xem xét giải quyết tranh chấp liên quan đến thửa đất số 777, tờ bản đồ số 10, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Các đương sự có Q khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H có Q và nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm Q để làm thủ tục kê khai, đăng ký Q sử dụng đất đối với các thửa đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá và thẩm định:

7.1. Về án phí sơ thẩm:

Buộc vợ cH ông Phạm V V và chị Trần Thị M pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị N, pH chịu 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mai V Q.

Vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp ; trả lại cho vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H 252.000 đồng (*Hai trăm, năm mươi hai ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, có tại biên lai số 0004429 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

7.2. Về Chi phí định giá, chi phí thẩm định tại chỗ:

Buộc vợ cH ông Mai V Q và bà Nguyễn Thị N, có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, số tiền chi phí định giá, thẩm định đã bỏ ra là 1.893.641 đồng (*Một triệu, tám trăm, chín mươi ba ngàn, sáu trăm bốn một đồng*).

Buộc vợ cH ông Phạm V V và bà Trần Thị M, có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, số tiền chi phí định giá, thẩm định đã bỏ ra là 1.893.641 đồng (*Một triệu, tám trăm, chín mươi ba ngàn, sáu trăm bốn một đồng*).

Vợ cH ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị H, pH chịu tiền chi phí định giá và chi phí thẩm định tại chỗ là 1.893.642 đồng (Đã thực hiện xong).

8. Về án phí phúc thẩm:

Vợ chồng ông Phạm V V và bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, theo biên lai thu số 0004636 ngày 26/3/2021.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, theo biên lai thu số 0004639 ngày 29/3/2021. Số tiền 150.000 đồng tạm ứng còn lại hoàn trả cho bà N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND V;
- THADS v;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm V Ph

